

Số: /QĐ-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Kênh chính hồ Suối Cây từ K0 đến K2+482 và từ K3+812 đến K5+600**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 267/2015/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 Về việc phân bổ kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2022 (đợt 2);

Căn cứ kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kênh chính hồ Suối Cây từ K0 đến K2+482 và từ K3+812 đến K5+600, tại Văn bản số 2172/SNN-QLXDCT ngày 12/10/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Tờ trình số 62/TTr-CCTL ngày 03/10/2022 của Chi cục Thủy lợi Bắc Giang và đề nghị của Phòng Quản lý xây dựng công trình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kênh chính hồ Suối Cây từ K0 đến K2+482 và từ K3+812 đến K5+600, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Kênh chính hồ Suối Cây từ K0 đến K2+482 và từ K3+812 đến K5+600.
2. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.
3. Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi tỉnh Bắc Giang.

4. Mục tiêu đầu tư: Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh chính hồ Suối Cây với mục tiêu đảm bảo dẫn nước tưới cho 425 ha đất nông nghiệp của các xã Đồng Kỳ, xã Hương vĩ, xã Đông Sơn, xã Hồng Kỳ và thị trấn Bồ Hạ huyện Yên Thế.

5. Quy mô, nội dung và giải pháp thiết kế xây dựng chủ yếu:

5.1. Quy mô xây dựng công trình:

a) Kênh: Phá dỡ kênh cũ bị hư hỏng và cứng hóa kênh chính hồ Suối Cây mặt cắt hình chữ nhật với tổng chiều dài 1.950,0m (do không đủ nguồn kinh phí nên chỉ đầu tư được từ K0-:-K1+950). Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình được tổng hợp theo Bảng dưới đây:

TT	Tên tuyến kênh	Chiều dài (m)	Lưu lượng thiết kế (m^3/s)	Độ dốc đáy kênh	Hệ số mái kênh	Chiều rộng đáy (m)	Chiều cao tường (m)
	Tổng cộng	1.950,0	Cứng hóa kênh mặt cắt hình chữ nhật				
-	K0-:-K0+150	150,0	0,70	0,00004	m=0	1,00	1,35
-	K0+150-:-K0+912	762,0	0,70	0,00007	m=0	1,00	1,14
-	K0+912-:-K1+316	404,0	0,70	0,00004	m=0	1,00	1,35
-	K1+316-:-K1+950	634,0	0,67	0,000066	m=0	1,00	1,07

b) Công trình trên kênh: Xây mới 01 bậc nước, 03 cống qua đường; ngoài ra có sửa chữa một số công trình trên kênh để đầu nối với các công trình hiện trạng phù hợp với tuyến kênh sau cải tạo, nâng cấp.

5.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Kênh: Đáy bê tông M150# dày 15cm, dưới lót cát dày 5cm (tại những vị trí đáy kênh có nền đất yếu hoặc thấp trũng phải bóc bỏ lớp đất yếu thì được bù phụ tôn cao bằng đắp cát đạt độ chặt $K=0,90$); tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; dọc chiều dài tuyến kênh chính bố trí giằng dọc, giằng ngang (5m/chiếc) BTCT M200# tăng cường ổn định; khe lún (15m/khe) giấy dầu 2 lớp; trát tường VXM M75#; đắp đất ngoài tường kênh với độ chặt $K=0,85$.

b) Công trình trên kênh:

- Bậc nước: Đáy bê tông M150#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; tường trát VXM M75#; đắp đất hoàn thiện với độ chặt $K=0,85$.

- Cống qua đường: Đáy bê tông M150#; trần cống kết cấu BTCT M200#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; gối đỡ bê tông M200#; tường trát VXM75#; đắp đất hoàn thiện với độ chặt $K=0,90$.

- Van điều tiết: Khung giàn van thép hình, cánh phai khung thép hình bụng thép tấm, máy đóng mở quay tay V1.

- Sửa chữa, đầu nối với các công trình hiện trạng: Chi tiết theo hồ sơ thiết kế BVTC.

c) Các chi tiết giải pháp thiết kế khác: *Theo hồ sơ thiết kế BVTC.*

6. Địa điểm xây dựng: huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

7. Diện tích sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng: Công trình xây dựng cơ bản trên tuyến kênh hiện trạng, nên không phải thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

8. Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được áp dụng:

- TCVN 12845:2020 Tiêu chuẩn quốc gia về Công trình thủy lợi - Thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật

- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế

- TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế

- TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 9168:2012 Hệ thống tưới tiêu-Phương pháp xác định hệ số tưới lúa.

- TCVN 9164:2012 Hệ thống tưới tiêu -Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh.

- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9115:2019 về Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu

- TCVN 8646:2011 Công trình thủy lợi - Sơn bảo vệ kết cấu thép và thiết bị cơ khí - Yêu cầu kỹ thuật

- TCVN 9377-2:2012 - Công tác trát trong xây dựng

- TCVN 4085:2011 - Kết cấu gạch đá. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu

- Các Tiêu chuẩn ngành và Quy phạm thiết kế công trình thủy lợi hiện hành khác...

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **5.000.000.000 đồng** (*Bảng chữ: Năm tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.188.016.000	đồng.
- Chi phí QLDA	101.226.000	đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXD	475.601.000	đồng.
- Chi phí khác	33.299.000	đồng.
- Chi phí dự phòng	201.858.000	đồng.

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

11. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hà Bắc (*Chủ nhiệm dự án: Ông Đặng Văn Xô*).

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2023.

14. Các nội dung khác: Theo Công văn số 2172/SNN-QLXDCT ngày 12/10/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT V/v thông báo kết quả thẩm định

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chi cục Thủy lợi tỉnh Bắc Giang và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Nguyễn Văn Dĩnh;
- Lưu: VT, QLXDCT_{Tỉnh}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Dĩnh